

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04-5-2020
V/v tranh chấp: “*Yêu cầu ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Huy Xuân.

2. Bà Trần Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 363/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019, về tranh chấp: “*Yêu cầu ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXX-ST ngày 27-3-2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HPT ngày 13-4-2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Phương T; sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Ngô C, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Tổ 67, thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(*Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông C vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, các văn bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Bùi Thị Phương T trình bày:

Bà Bùi Thị Phương T và ông Ngô C có tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện. Đăng ký kết hôn vào ngày 31-10-2003 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ban đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C thường uống rượu say đánh đập bà T, chửi mắng các con, khiến các con không thể học được. Bà T và ông C sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay bà T cầu giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Ngô C.

Về con chung: Bà T và ông C có 02 con chung là cháu Ngô Thị Thùy T, sinh ngày 12-8-2001; cháu Ngô Đăng T1, sinh ngày 13-01-2004. Cháu T đã trưởng thành sống tự lập. Bà T có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T1. Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng để bà T nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Ngô C không đến tòa án để làm việc và tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án bà T và ông C chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Sau đó phát sinh mâu thuẫn. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông C nên Tòa án cần xử chấp nhận yêu cầu của bà T. Về con chung bà T và ông C có 02 con chung là cháu Ngô Thị Thùy T, sinh ngày 12-8-2001; cháu Ngô Đăng T1, sinh ngày 13-01-2004. Cháu T đã trưởng thành sống tự lập. Bà T có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T1. Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng để bà T nuôi con chung thì Tòa án cần chấp nhận yêu cầu của bà T. Về tài sản chung và nợ chung bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà T, ông C có tranh chấp về tài sản chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Bùi Thị Phương T và ông Ngô C có tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện. Đăng ký kết hôn vào ngày 31-10-2003 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nay bà T yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Nơi cư trú của ông Ngô C là xã C, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ông Ngô C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông C là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Bùi Thị Phương T và ông Ngô C có tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện. Đăng ký kết hôn vào ngày 31-10-2003 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T là do ông C thường uống rượu say đánh đập bà T, chửi mắng các con, khiến các con không thể học được. Bà T và ông C sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Xác minh tại địa phương thì bà T và ông C có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống bà T và ông C có mâu thuẫn, bà T và ông C đã sống ly thân. Sau khi thụ lý đơn yêu

cầu ly hôn của bà T, Tòa án đã triệu tập ông C để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân để bà T và ông C tiếp tục sống với nhau nhưng ông C không đến tòa án để làm việc. Như vậy giữa bà T và ông C có mâu thuẫn, bà T và ông C sống ly thân là có thật. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông C ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Bùi Thị Phương T được ly hôn với ông Ngô C.

[3] *Về con chung*: Bà T và ông C có 02 con chung là cháu Ngô Thị Thùy T, sinh ngày 12-8-2001; cháu Ngô Đăng T1, sinh ngày 13-01-2004. Cháu T đã trưởng thành cháu sống với ai là theo nguyện vọng của cháu. Bà T có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T1, cháu T1 có nguyện vọng ở với bà T. Do đó xử cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Đăng T1, sinh ngày 13-01-2004. Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng để bà T nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà T, ông C có tranh chấp về tài sản chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Bà T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Bùi Thị Phương T được ly hôn với ông Ngô C.

Về quan hệ con chung: Bà T và ông C có 02 con chung là cháu Ngô Thị Thùy T, sinh ngày 12-8-2001; cháu Ngô Đăng T1, sinh ngày 13-01-2004. Cháu T đã trưởng thành cháu sống với ai là theo nguyện vọng của cháu.

Xử cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Đăng T1, sinh ngày 13-01-2004.

Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng để bà T nuôi con chung.

Ông Ngô C được quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà T, ông C có tranh chấp về tài sản chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về án phí: Bà Bùi Thị Phương T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai số: TU/2019/0000640 ngày 24-7-2019, bà T đã nộp xong án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04-5-2020), đương sự có quyền kháng cáo; đối với bà T, ông C vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR - VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Cơ quan THA dân sự H.Châu Đức;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Loan